

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Công
- Bà Phạm Thị Thu Yến

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số: 312/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu V, Phường D, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Vương Minh H, sinh năm 1994; địa chỉ: Số A, khu phố L, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vương Minh H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2020 ngày 04/3/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông H ham chơi, nghiện hút và còn phạm tội mua bán trái pháp chất ma túy, sau đó bị bắt và hiện nay đang phải chấp hành án tại trại giam T theo bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà **M** yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **H**.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên **Vương Ngọc H1**, sinh ngày 10/8/2020. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu giao con chung cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu ông **H** phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con: Bà làm nghề buôn bán tự do, thu nhập mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng nên có thời gian đưa đón, chăm sóc con, nuôi dưỡng con. Mặt khác, hiện nay ông **H** đang phải chấp hành án nên ông **H** không có điều kiện trực tiếp nuôi con, từ khi ông **H** bị bắt giam thì con do một mình bà nuôi dưỡng, chăm sóc và cháu phát triển bình thường. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giao con cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bị đơn **Vương Minh H** trình bày:

Ông và bà **Trần Thị Ngọc M** tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường L**, thị xã (nay là thành phố) **T**, tỉnh **Bình Dương** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2020 ngày 04/3/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, nhưng thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn do điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng có xảy ra cãi vã.

Nay, bà **M** yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông thì ông đồng ý vì ông đang phải chấp hành án tại **trại giam T** nên không có thời gian chăm sóc vợ con.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên **Vương Ngọc H1**, sinh ngày 10/8/2020. Sau khi ly hôn, bà **M** yêu cầu giao con chung cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu ông phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà **M** khởi kiện ông **H** yêu cầu ly hôn, ông **H** có địa chỉ thường trú tại: **Số A, khu phố L, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương**. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn bà **Trần Thị Ngọc M**; bị đơn ông **Vương Minh H** có đơn yêu

cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị Ngọc M**; bị đơn ông **Vương Minh H** tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường L**, thị xã (nay là thành phố) **T**, tỉnh **Bình Dương** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2020 ngày 04/3/2020 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng bà **M** xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, sống không hạnh phúc nên bà **M** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông **H**.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà **M** và ông **H** không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà **M** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông **H** và được ông **H** đồng ý nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà **M** về việc ly hôn với ông **H**.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên **Vương Ngọc H1**, sinh ngày 10/8/2020. Sau khi ly hôn, bà **M** yêu cầu giao con chung cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, bà **M** có nghề nghiệp buôn bán tự do; từ khi ông **H** bị bắt bà **M** là người trực tiếp nuôi con. Do đó, bà **M** yêu cầu giao con chung cho bà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục và được ông **H** đồng ý là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng: Bà **Trần Thị Ngọc M** không yêu cầu ông **Vương Minh H** phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị Ngọc M** với bị đơn ông **Vương Minh H** về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị Ngọc M** được ly hôn ông **Vương Minh H**.

- Về con chung: Giao cháu **Vương Ngọc H1**, sinh ngày 10/8/2020 cho bà **Trần Thị Ngọc M** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông **Vương Minh H** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà **Trần Thị Ngọc M** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001772 ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết

